

Ảnh hưởng của nội dung lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội đến nhận thức, thái độ và lối sống của sinh viên

Impact of Vietnamese historical content on social media on students' perceptions, attitudes, and lifestyles

TS. VŨ TUẤN HÀ

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: vutuanha.ajc@gmail.com

Ngày nhận bài: 4/3/2026

Ngày phản biện: 13/3/2026

Ngày duyệt đăng: 20/3/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Khoa học xã hội và nhân văn.

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự mở rộng của không gian mạng, các nền tảng mạng xã hội như TikTok và YouTube đang trở thành kênh truyền tải tri thức và văn hóa lịch sử tới giới trẻ. Nghiên cứu này đánh giá ảnh hưởng của nội dung lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội đến nhận thức, hành vi và lối sống của sinh viên bằng cách kết hợp phân tích nội dung với lý thuyết đóng khung để giải mã và hệ thống hóa thông điệp lịch sử, đồng thời áp dụng các kỹ thuật thống kê dữ liệu khảo sát. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng và truyền thống lịch sử trên không gian mạng, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Từ khóa: truyền thông lịch sử; mạng xã hội; lý thuyết đóng khung; phân tích nội dung; lối sống sinh viên; giáo dục, lịch sử; TikTok; YouTube.

Abstract: In the context of digital transformation and the expansion of cyberspace, social media platforms such as TikTok and YouTube have become important channels for delivering historical knowledge and cultural content to young people. This study evaluates the impact of Vietnamese historical content on social media on students' perceptions, behaviors, and lifestyles by combining content analysis with framing theory to decode and systematize historical messages, while also applying statistical techniques to survey data. Thereby, the study proposes solutions to enhance the effectiveness of political, ideological, and historical education in cyberspace, contributing to the cause of national development and defense in the new era.

Keywords: historical communication; social media; framing theory; content analysis; student lifestyles; political education; TikTok; YouTube.

1. Đặt vấn đề

Lịch sử dân tộc không chỉ là nền tảng tri thức về quá khứ mà còn giữ vai trò định hình bản sắc, bồi dưỡng lòng yêu nước và hệ giá trị cho thế hệ trẻ; vì vậy, giáo dục truyền thống lịch sử luôn được Đảng và Nhà nước coi trọng trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đã làm thay đổi hoàn toàn cách thức tiếp nhận thông tin của sinh viên. Mạng xã hội, đặc biệt là TikTok, YouTube và Facebook Reels, trở thành không gian tái hiện và diễn giải lịch sử một cách đa chiều, tương tác và chịu sự chi phối của thuật toán gợi ý. Các nội dung video ngắn, infographics, hoạt hình đã sử dụng hay trào lưu âm nhạc đang định hình

cách Gen Z tiếp cận lịch sử. Bên cạnh cơ hội lan tỏa lịch sử đại chúng và thúc đẩy “chủ nghĩa dân tộc kỹ thuật số”, môi trường này cũng tiềm ẩn rủi ro sai lệch thông tin, giải trí quá mức và hình thành luồng lạch thông tin làm lệch lạc nhận thức. Mặc dù nhiều nghiên cứu đã quan tâm đến chủ đề này, phần lớn mới dừng lại ở mô tả hình thức truyền thông, chưa đi sâu giải mã cách lịch sử được “đóng khung” trên mạng xã hội và còn thiếu các phương pháp phân tích định lượng.

Nhằm khắc phục khoảng trống đó, nghiên cứu này đặt mục tiêu áp dụng phương pháp phân tích nội dung dựa trên lý thuyết đóng khung để hệ thống hóa các mô thức truyền thông lịch sử trên TikTok và YouTube, đồng

thời tìm những tác động của những khung truyền thông này đến nhận thức, giá trị và hành vi công dân của sinh viên Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Sự dịch chuyển của phương thức giáo dục lịch sử và sự trỗi dậy của Chủ nghĩa dân tộc kỹ thuật số

Giáo dục lịch sử trong kỷ nguyên số không còn là sự truyền đạt tính hoa từ giới học thuật đến đại chúng, mà đã chuyển hóa thành một không gian đối thoại kiến tạo. Mạng xã hội cho phép bất kỳ cá nhân nào cũng có thể trở thành một “nhà sử học công chúng” hoặc một nhà sáng tạo nội dung, tự do cắt ghép, lồng tiếng, và diễn giải các tài liệu lưu trữ (Miranda Bailey, 2022).

Đáng chú ý, sự phát triển của mạng xã hội tại Việt Nam những năm gần đây đã chấp cánh cho một hiện tượng xã hội học đặc thù: “Chủ nghĩa dân tộc trực tuyến” (hay “Chủ nghĩa dân tộc kỹ thuật số”) (Dien Nguyen An Luong và Nguyen Khac Giang, 2024). Các nghiên cứu chỉ ra rằng, mạng xã hội đã trở thành công cụ quan trọng để thế hệ trẻ Việt Nam thể hiện lòng yêu nước, bảo vệ chủ quyền quốc gia và phản bác các luận điệu xuyên tạc (Dien Nguyen An Luong, 2021). Từ các chiến dịch thay ảnh đại diện cờ đỏ sao vàng, các video tôn vinh bộ đội cụ Hồ trên TikTok, đến các cuộc tranh luận bảo vệ di sản văn hóa trên Facebook, lịch sử đã vượt ra khỏi sách giáo khoa để trở thành một phần của nhịp sống số. Tuy nhiên, để hiểu rõ cơ chế vận hành của những luồng thông tin này, việc áp dụng các lý thuyết truyền thông kinh điển là điều kiện tiên quyết.

2.2. Về lý thuyết đóng khung

Lý thuyết đóng khung (Framing Theory), xuất phát từ công trình của Erving Goffman (1974) (Erving Goffman, 1986), và được Robert Entman (1993) phát triển trong nghiên cứu truyền thông, khẳng định rằng cách một vấn đề được “đóng khung” quan trọng không kém nội dung của nó (Willemien Marais và Margaret Linstrom, 2012). Theo Entman, đóng khung là việc lựa chọn và nhấn mạnh một số khía cạnh của thực tại nhằm thực hiện bốn chức năng: xác định vấn đề, chẩn đoán nguyên nhân, đưa ra đánh giá đạo đức và đề xuất giải pháp.

Trong môi trường truyền thông số, lý thuyết này tiếp tục được mở rộng thông qua sự lai ghép các hình thức truyền tải trên mạng xã hội. Khi áp dụng vào nghiên cứu truyền thông lịch sử, lý thuyết đóng khung cho phép phân tích cách cùng một sự kiện - chẳng hạn Chiến dịch Điện Biên Phủ - có thể được trình bày rất khác nhau: một video YouTube có thể đóng khung theo hướng phân

tích chiến thuật (khung thông tin), trong khi TikTok lại nhấn mạnh tính bi tráng gợi cảm xúc (khung bản sắc) hoặc mô phỏng theo trào lưu giải trí. Mỗi khung truyền thông như vậy sẽ kích hoạt các cấu trúc nhận thức khác nhau, từ đó tạo ra sự khác biệt trong thái độ, cách hiểu và hành vi của sinh viên.

2.3. Phương pháp phân tích nội dung

Để định lượng và hệ thống hóa các khung truyền thông, phương pháp phân tích nội dung là công cụ nghiên cứu tối ưu. Berelson (1952) định nghĩa đây là kỹ thuật nghiên cứu nhằm “mô tả khách quan, hệ thống và định lượng nội dung rõ ràng của truyền thông”, trong khi Holsti (1968) mở rộng nó thành kỹ thuật “rút ra những suy luận bằng cách nhận diện một cách có hệ thống và khách quan những đặc điểm đặc thù của thông điệp” (Michael Palmquist, 2015). Trong nghiên cứu này, phân tích nội dung được sử dụng theo cả hai chiều hướng: Phân tích khái niệm để xác định sự xuất hiện của các định dạng lịch sử, và phân tích quan hệ để tìm ra mối liên kết giữa hình ảnh, âm thanh, văn bản và thông điệp tư tưởng.

Khác với các văn bản in ấn truyền thống, phân tích nội dung trên TikTok và YouTube đòi hỏi việc giải mã đa phương thức: từ kỹ thuật cắt dựng, âm nhạc nền, hiệu ứng hình ảnh, đến từ khóa hashtag (Jiaqi Fu, Chaixiu Li, Chunlan Zhou, Wenji Li, Jie Lai, Shisi Deng, Yujie Zhang, Zihan Guo, Yanni Wu, 2023). Bằng cách này, phân tích nội dung cung cấp chất liệu thực nghiệm vững chắc để nhận diện các “khung truyền thông” một cách khoa học, thay vì dựa trên cảm tính.

Để bóc tách các thông điệp và xây dựng bộ công cụ khảo sát, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập một mẫu khảo sát gồm 100 video có lượt tương tác cao nhất mang chủ đề Lịch sử Việt Nam trên nền tảng TikTok (thuộc các hashtag như #LichSuVietNam, #VietNam-ToQuoc) và YouTube (từ các kênh chuyên đề lịch sử) trong quý I năm 2025.

Quy trình phân tích nội dung tuân thủ ba bước nghiêm ngặt (Ingela Bohm và Joachim Sundqvist, 2025).

Mã hóa mở: Phân rã video thành các đơn vị phân tích nhỏ nhất (đặc điểm hình ảnh, thể loại âm nhạc, giọng điệu thuyết minh, tính chất sự kiện).

Mã hóa trực: Nhóm các nhãn có tính tương đồng vào các danh mục lớn hơn, dựa trên chức năng đóng khung của Entman.

Xác định khung: Dựa trên tần suất xuất hiện và sự lặp lại của các mô thức, nghiên cứu trích xuất thành các

khung truyền thông mang tính đại diện. Đây là chất liệu đầu vào quan trọng nhất để thiết kế các thang đo định lượng trong bảng hỏi.

2.4. Phương pháp chọn mẫu

Khách thể nghiên cứu được lựa chọn là các sinh viên tại các trường đại học khác nhau, là giới trẻ và cũng là nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai, những người có trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Nắm bắt được ý nghĩa của môn học lịch sử và tầm quan trọng các thông tin về lịch sử Việt Nam, họ sẽ tìm kiếm, vận dụng và hiểu biết ý nghĩa đối với các sự kiện như thế nào, thể hiện được ý thức, trách nhiệm và vai trò của nguồn lao động trẻ đối với đất nước. Khảo sát thực tiễn: 261 phiếu. Nhóm tuổi dao động từ 18 đến 22 tuổi.

Giới tính: Nam có 88 người, chiếm 33,7%, và nữ có 173 người chiếm 66,3%

Sinh viên các trường đại học, cao nhất là Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn với 95 người, chiếm 36,4%, và Học viện Báo chí và Tuyên truyền có 86 người, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân có 80 người.

Là sinh viên từ năm 1 đến năm 4, trong đó, nhiều nhất sinh viên năm thứ 4 với 115 người, chiếm 44,1%.

2.5. Phương pháp xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 22.0

Dựa trên số liệu được điều tra, cập nhật online thông qua Google Forms, nhóm nghiên cứu đã thống kê về tần suất, tỷ lệ, đưa vào bài viết như là một thông tin, dẫn chứng cho các quan điểm, luận điểm. Ngoài ra, thống kê bằng thang điểm trung bình, trong đó, thấp nhất là 1 và cao nhất là 5, để tìm ra được đánh giá tương thích với mức độ đồng tình của nhóm khách thể nghiên cứu với các quan điểm đưa ra. Đặc biệt là, đánh giá so sánh với điểm trung bình chung là 3.0, với các mức độ đồng tình cao là trên 3,0 và thấp là dưới 3,0. Đánh giá điểm trung bình được sử dụng trong các câu hỏi về quan điểm, nhận định của nhóm khách thể, để tìm ra được quan điểm chung của họ với các vấn đề liên quan

Bảng hỏi được thiết kế dựa trên mục tiêu nghiên cứu đã đề ra. Sau đó, được điều tra online qua Google Form. Kết quả thống kê được trích xuất thành file excel và nhập file vào phần mềm SPSS.22.0, để thống kê dữ liệu. Tiếp theo, dữ liệu được khảo sát với các chỉ số về số lượng, tần suất (%) và các chỉ báo khác nhau.

Các câu đánh giá nhận định được phỏng vấn qua Google Form với các ý nghĩa thống kê như sau:

1: Rất không đồng ý

2: Không đồng ý

3: Bình thường

4: Đồng ý

5: Hoàn toàn đồng ý

Sau đó, với mức ý nghĩa trên, nhóm nghiên cứu nhập vào phần mềm SPSS 22.0, với các mức độ, đó là: thấp nhất là 1 và cao nhất là 5. Sau đó, trích xuất với thang điểm trung bình. Từ mức điểm trung bình, đánh giá của sinh viên sẽ cho thấy được sự ủng hộ với các thông tin lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội là cao hay thấp.

Theo nguyên tắc toán học, nếu giá trị trung bình làm tròn tới số nguyên đầu tiên gần mức giá trị nào của thước đo Likert nhất, chúng ta sẽ đánh giá nó ở mức giá trị đó (Phạm Lộc Blog, 2026).

Từ đó sẽ có các đoạn giá trị:

1.00 – 1.49 (làm tròn thành 1): Rất không đồng ý

1.50 – 2.49 (làm tròn thành 2): Không đồng ý

2.50 – 3.49 (làm tròn thành 3): Trung lập

3.50 – 4.49 (làm tròn thành 4): Đồng ý

4.50 – 5.00 (làm tròn thành 5): Rất đồng ý

Ngoài thang điểm trung bình, độ lệch chuẩn cũng được thống kê lại, để thấy sự phân phối của những đánh giá của sinh viên trong các câu hỏi đó, dao động ở mức nào là nhiều nhất.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Các khung truyền thông lịch sử

Bằng việc ứng dụng sâu phương pháp phân tích nội dung trên tập dữ liệu video mạng xã hội và đối chiếu với các chỉ báo tần suất trong khảo sát định lượng, nghiên cứu đã khắc phục hạn chế của các công trình trước bằng cách tái cấu trúc các dạng thức truyền thông thành bốn khung truyền thông lịch sử cốt lõi, qua đó làm rõ bản chất, cấu trúc và hướng chi phối của những luồng thông tin lịch sử đang hiện diện trên không gian số. Có 3 khung truyền thông là khung kiến tạo bản sắc, khung thông tin & giải nghĩa, khung giải trí và khung khám phá và trải nghiệm.

3.2. Tiếp cận thông tin về lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội của sinh viên

Sự khác biệt về đặc trưng nền tảng thể hiện rất rõ: trên TikTok, sinh viên bị thu hút mạnh bởi Khung giải trí hóa và Khung kiến tạo bản sắc, vốn dựa vào hình ảnh, diễn xuất, âm nhạc và các hiệu ứng cảm xúc mạnh những yếu tố phù hợp với thuật toán phân phối nhanh và ưu tiên nội dung kích thích của nền tảng. Ngược lại, trên YouTube, các khung mang tính Thông tin như phim tài liệu, phỏng vấn hay phân tích chuyên sâu được đánh giá cao hơn, phản ánh hành vi tìm kiếm chủ động phục

vụ học tập, trong khi TikTok chủ yếu được truy cập để cập nhật thông tin nhanh. Các thông tin lịch sử trên TikTok và YouTube nhìn chung đáp ứng nhu cầu tìm hiểu của giới trẻ.

Thêm vào đó, sinh viên cũng được hỏi về đánh giá của họ với các thông tin về lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội, và sự khác biệt của 02 mạng xã hội Tiktok và Youtube. Có 05 đánh giá được đưa ra cho sinh viên, đó là: (i) Nội dung lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội ngắn gọn, dễ hiểu; (ii) Cách truyền tải thú vị, khiến nội dung không khan trở nên sinh động, dễ tiếp thu hơn (hình ảnh, âm thanh, hiệu ứng...); (iii) Nguồn thông tin đa dạng, nhiều quan điểm khác nhau; (iv) Ít tốn thời gian so với đọc sách, tài liệu chính thống; (v) Nội dung mang tính chính xác cao. Mức đánh giá theo thang likert 1 - 5, và có sự phân biệt quan điểm đánh giá giữa mạng xã hội Tiktok và Youtube. Điểm đánh giá mức độ ý nghĩa trên TikTok dao động 3,59 - 4,04, cao hơn mức trung bình và tiệm cận mức độ cao; trong khi YouTube đạt 3,49 - 3,89, thấp hơn TikTok nhưng vẫn đảm bảo chất lượng cần thiết. Đáng chú ý, tiêu chí “truyền tải sinh động, giúp nội dung không khan trở nên dễ tiếp thu” được đánh giá cao hơn rõ rệt trên TikTok, phản ánh lợi thế về hình ảnh, âm thanh và hiệu ứng của nền tảng video ngắn.

Tuy vậy, việc tiếp nhận thông tin lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội đang đối mặt nhiều rào cản. Về phía môi trường truyền thông, nội dung sai lệch, giật tít, cắt ghép thiếu kiểm chứng xuất hiện phổ biến, trong khi thuật toán đề xuất ưu tiên thông tin gây tranh cãi để tạo sự ủng hộ giả tạo củng cố quan điểm một chiều. Đặc tính ngắn gọn và xu hướng giải trí hóa cũng khiến các sự kiện lịch sử phức tạp bị giản lược, thiếu bối cảnh và chiều sâu.

Về phía người dùng, nhiều sinh viên còn hạn chế kỹ năng kiểm chứng, thiếu nền tảng kiến thức lịch sử và dễ bị chi phối bởi cảm xúc, hiệu ứng đám đông hoặc định kiến cá nhân. Bên cạnh đó, một số vấn đề lịch sử nhạy cảm chính trị dễ bị lợi dụng để tuyên truyền hoặc gây chia rẽ, làm cho quá trình tiếp nhận thông tin trở nên khó khăn hơn. Sự phân cực này cho thấy mạng xã hội không phải một khối đồng nhất; mỗi nền tảng kiến tạo một môi trường tiếp nhận lịch sử với logic thuật toán, thói quen sử dụng và tiêu chuẩn đánh giá nội dung rất khác nhau (Jiye Jung, Sang - Ho Yoon, Dinara Kengesbay, 2025).

3.3. Ảnh hưởng của nội dung về lịch sử Việt Nam tới nhận thức, thái độ và lối sống của sinh viên

Các chỉ tiêu để đánh giá tác động tới nhận thức được thông qua như: + Nhận biết thông tin (tức là họ có biết

tới thông tin Lịch sử Việt nam hay không?); + Nhu cầu thông tin (tức là sinh viên có cần và tiếp cận thông tin về lịch sử hay không?); + Tần suất tiếp nhận thông tin (Tức là khi truy cập mạng xã hội, sinh viên có thường xuyên xem và trải nghiệm thông tin lịch sử không?).

Các chỉ báo tác động tới thái độ: + Sự ủng hộ với thông tin? Tiếp cận tích cực hay tiêu cực với thông tin? Tạo nên những cảm xúc như thế nào với thông tin lịch sử Việt Nam?

Các chỉ báo tác động tới hành vi của sinh viên, đó là: + Sự tìm hiểu về thông tin hay không? + Có chia sẻ các thông tin cho người thân, người quen hay không? + Các thông tin là cần thiết với hoạt động học tập, rèn luyện, tu dưỡng bản thân như thế nào? Đây là các chỉ báo quan trọng, đo lường khả năng tiếp cận và hành vi của sinh viên tới nội dung về lịch sử Việt Nam.

Các chỉ báo đánh giá tác động với lối sống của sinh viên, về định hướng giá trị bản thân, định hướng phẩm chất, đạo đức, trách nhiệm đối với đất nước. Có nghĩa là nhờ những thông tin về lịch sử, có gieo ý thức trách nhiệm và tình yêu Tổ quốc, ý thức cần tu dưỡng, học tập, rèn luyện để trở thành nguồn lực lao động chất lượng cao cho xã hội.

Các chỉ báo trên là cơ sở cho đánh giá tác động của nội dung lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội đối với sinh viên hiện nay, đã được thể hiện rất rõ trong bảng hỏi.

Ảnh hưởng đối với nhận thức

Ảnh hưởng nhận thức được hiểu là sự thay đổi trong cách hiểu, suy nghĩ và đánh giá của cá nhân sau khi tiếp xúc với thông tin. Trong bối cảnh mạng xã hội phát triển mạnh, các nội dung về lịch sử Việt Nam trên TikTok, YouTube hay podcast, infographic... đang ảnh hưởng rõ rệt đến nhận thức của sinh viên, giúp họ mở rộng vốn hiểu biết và hình thành cách nhìn đa chiều, sâu sắc hơn về sự kiện, nhân vật và giá trị truyền thống. Nhờ cách trình bày sinh động, trực quan, người học chuyển từ tiếp nhận thụ động sang chủ động tìm tòi, so sánh và đánh giá, đồng thời củng cố nhận thức về bản sắc dân tộc, tinh thần yêu nước và trách nhiệm công dân. Tuy nhiên, mức độ tác động còn phụ thuộc vào độ tin cậy của nguồn và năng lực chọn lọc phân biệt của sinh viên; nếu tiếp cận thông tin sai lệch, nhận thức dễ bị ảnh hưởng tiêu cực. Khi được hỏi về các đánh giá khác nhau kể cả tích cực và tiêu cực về thông tin Lịch sử Việt Nam. Hầu hết đều thu lại sự đánh giá tích cực về thông tin lịch sử. Đây là một tín hiệu vui dành cho ngành giáo dục truyền thống văn hóa và lịch sử dân tộc, do giới trẻ cảm thấy khá hấp

dẫn, và quan trọng. Chỉ ĐTB = 2,72, với đánh giá tiêu cực “Tôi thờ ơ với các nội dung lịch sử trên mạng xã hội, vì tôi không có nhu cầu tiếp nhận”, thể hiện sự không đồng tình với đánh giá trên. Ngoài ra, các đánh giá tích cực khác đều lớn hơn trung bình ĐTB > 3,5. Trong đó, đánh giá “Tôi cảm thấy tự hào về lịch sử dân tộc sau khi xem các nội dung lịch sử trên mạng xã hội” có ĐTB = 4,08.

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên nhìn chung rất yêu thích các nội dung lịch sử trên mạng xã hội, khi tất cả mức đánh giá đều vượt ngưỡng trung bình (ĐTB > 3,0). Trong đó, dạng nội dung được ưa chuộng nhất là âm nhạc kết hợp lịch sử, với ĐTB 4,09/5 trên TikTok và 4,06/5 trên YouTube. Nhìn tổng thể, TikTok ghi nhận mức yêu thích cao hơn ở các hình thức: kể chuyện lịch sử bằng hình ảnh, âm nhạc lịch sử, khám phá di tích - địa danh và phỏng vấn nhân chứng. Ngược lại, một số nội dung khác lại được đánh giá tích cực hơn trên YouTube. Ở cả hai nền tảng, mức yêu thích thấp nhất thuộc về phim tài liệu, phim lịch sử hoặc phim về nhân vật lịch sử, tuy vẫn đạt ĐTB 3,7 - 3,8/5, tức vẫn ở mức trên trung bình. Điều này cho thấy sinh viên có thái độ tích cực và mức độ quan tâm cao đối với lịch sử Việt Nam khi tiếp cận qua mạng xã hội, đặc biệt với các định dạng sinh động, dễ tiếp nhận.

Ảnh hưởng đến thái độ

Về các yếu tố tạo niềm tin vào tính chính xác của nội dung lịch sử, sinh viên đánh giá cao những sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, được sản xuất bởi tổ chức uy tín, nhà nghiên cứu hoặc chuyên gia; nội dung đính kèm dẫn chứng, tài liệu tham khảo; người sáng tạo có chuyên môn lịch sử; hoặc thông tin phù hợp với kiến thức đã học và trùng khớp với tài liệu chính thống. Các tiêu chí như cách trình bày chuyên nghiệp, hình ảnh video được đầu tư, không giật gân, cùng với lượt tương tác cao cũng góp phần tăng sự tin tưởng.

Kết quả khảo sát cho thấy 52,1% sinh viên đánh giá thông tin lịch sử trên YouTube là rất có ý nghĩa, giúp họ vận dụng, phân tích và đánh giá các sự kiện lịch sử; 45,2% nhận định mức ý nghĩa ở mức bình thường, và tỷ lệ cho rằng thông tin “không ý nghĩa” đều dưới 40%. Điều này phản ánh tâm lý tiếp nhận lịch sử của sinh viên đã cởi mở hơn, dù lịch sử vốn là lĩnh vực đôi khi không được ưu tiên trong ý thức của người trẻ. Khi được hỏi về các đánh giá cả tích cực lẫn tiêu cực về thông tin lịch sử Việt Nam trên mạng xã hội, đa số ý kiến đều nghiêng về hướng tích cực một tín hiệu khả quan cho công tác

giáo dục truyền thống văn hóa và lịch sử dân tộc. Đáng chú ý, đánh giá tiêu cực “Tôi thờ ơ với nội dung lịch sử vì không có nhu cầu tiếp nhận” chỉ đạt ĐTB = 2,72, thấp hơn mức trung bình. Ngược lại, các đánh giá tích cực đều trên 3,5 điểm; mạnh nhất là nhận định “Tôi cảm thấy tự hào về lịch sử dân tộc sau khi xem nội dung lịch sử trên mạng xã hội” với ĐTB = 4,08. Những kết quả này cho thấy mạng xã hội không chỉ thu hút sự quan tâm mà còn góp phần củng cố cảm xúc và nhận thức lịch sử của sinh viên.

Ảnh hưởng đến hành vi tiếp cận lịch sử và lối sống

Xu hướng tìm kiếm và tiếp cận thông tin cũng đa dạng. Các xu hướng tiếp cận thông tin, như Chỉ tiếp nhận thông tin một cách thụ động, không kiểm chứng (21,5%), Tìm hiểu thêm từ nhiều nguồn khác để so sánh (28,0%), Chỉ tin tưởng thông tin từ các nguồn chính thống (báo chí, nhà nghiên cứu) (29,1%), Dựa vào phân bình luận hoặc ý kiến của người khác để đánh giá (21,5). Các cách thức đó là cách tìm kiếm từ các nguồn thông tin được tin cậy, để ứng dụng, và hiểu biết đúng đắn về lịch sử.

Mục đích tiếp nhận thông tin đa dạng, là động cơ khiến cho giới trẻ tìm kiếm trên mạng xã hội. Điểm trung bình của những lý do đều trên 3,0, cụ thể là dao động từ 3,14 đến 3,85. Trong đó, nguyên nhân “Vì cảm thấy tự hào về lịch sử dân tộc” là cao nhất, ĐTB = 3,85.

Hành động của sinh viên sau khi tiếp cận các thông tin về lịch sử khá đa dạng, như Tìm kiếm thêm thông tin trên Google; Đối chiếu với thông tin trên tài liệu chính thống; Xem thêm video/bài viết khác liên quan đến chủ đề đó; Hỏi giảng viên hoặc bạn bè để xác thực thông tin; Chia sẻ lại nội dung đó lên mạng xã hội; Bình luận/thảo luận trong bài viết hoặc nhóm lịch sử.

Sự chuyển biến từ nhận thức lịch sử sang lối sống trách nhiệm là mục tiêu cao nhất của giáo dục lịch sử. Kết quả mô tả cho thấy sinh viên thường xuyên sử dụng nội dung lịch sử trên mạng để bổ sung kiến thức, với tất cả đánh giá đều trên mức trung bình (>3,0). Đặc biệt, phát biểu “Tôi thường xem video ngắn tóm tắt diễn giải sự kiện lịch sử để nắm ý chính nhanh hơn thay vì đọc tài liệu truyền thống” có ĐTB = 3,59, phản ánh rõ xu hướng học tập kiểu mới dựa vào MXH. Các giá trị này cho thấy nội dung lịch sử trên nền tảng số đang có sức ảnh hưởng ngày càng lớn đối với hành vi tiếp nhận tri thức.

Về tác động đến lối sống, các chỉ số đều ghi nhận xu hướng tích cực. Đánh giá “Những bài học từ lịch sử tạo động lực cho tôi cống hiến, phát triển và giữ gìn hòa bình

đất nước” đạt ĐTB = 4,04 cao nhất trong nhóm, chứng tỏ lịch sử số góp phần nuôi dưỡng lý tưởng và tinh thần trách nhiệm công dân. Nhận định “Nội dung lịch sử trên mạng xã hội khiến tôi quan tâm hơn đến các vấn đề chung của đất nước” đạt ĐTB = 3,76, tuy thấp hơn các chỉ báo khác nhưng vẫn gần mức 4,0, cho thấy sự quan tâm chính trị xã hội được kích thích đáng kể.

Tổng hòa các kết quả cho thấy nội dung lịch sử trên mạng xã hội không chỉ mở rộng nhận thức mà còn định hướng tích cực lối sống và giá trị của sinh viên, góp phần khơi dậy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và ý thức quan tâm tới sự phát triển của đất nước trong bối cảnh mới.

4. Kết luận

Quá trình số hóa việc truyền tải lịch sử trên mạng xã hội đang tạo nên một chuyển biến sâu sắc trong nhận thức, thái độ và định hướng lối sống của sinh viên Việt Nam. Thông qua việc áp dụng hệ thống phân tích nội dung dựa trên Lý thuyết Khung kết hợp với các phương pháp định lượng, nghiên cứu đã phác họa toàn diện cơ chế tác động của hệ sinh thái truyền thông số. Lịch sử trên TikTok và YouTube vận hành theo bốn khung truyền thông chủ đạo, trong đó Khung kiến tạo bản sắc và Khung thông tin là hai lực đẩy quan trọng góp phần nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc, tăng cường quan tâm xã hội và thúc đẩy khát vọng cống hiến của sinh viên. Khung giải trí, dù hiệu quả trong việc thu hút sự chú ý, lại bộc lộ hạn chế về chiều sâu tư tưởng, đặt ra thách thức đối với tính chính xác và toàn vẹn của nhận thức lịch sử. Đồng thời, sự trưởng thành của sinh viên qua các năm học cho thấy hiệu quả của giáo dục chính trị tư tưởng trong việc hình thành “hệ miễn dịch” thông tin và năng lực phản biện số, giúp họ tiếp cận lịch sử trên mạng một cách tỉnh táo và có trách nhiệm./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dien Nguyen An Luong và Nguyen Khac Giang (2024), 2024/103 “Understanding the Rise and Rise of Online Nationalism in Vietnam” (Nhận thức về sự tăng trưởng trong chủ nghĩa dân tộc kỹ thuật số ở Việt Nam), *Tạp chí ISEAS-Yusof Ishak Institute*, <https://www.iseas.edu.sg/articles-commentaries/iseas-perspective/2024-103-understanding-the-rise-and-rise-of-online-nationalism-in-vietnam-by-dien-nguyen-an-luong-and-nguyen-khac-giang/>, truy cập vào ngày 20 tháng 2 năm 2026.
2. Dien Nguyen An Luong (2021). “The growing salience of online Vietnamese nationalism” (Sự gia tăng mức độ nổi bật của chủ nghĩa dân tộc kỹ thuật số ở Việt Nam), *Tạp chí ISEAS-Yusof Ishak Institute*, Issue 11 https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2021/05/TRS11_21.pdf, truy cập vào ngày 20 tháng 2 năm 2026.

3. Erving Goffman (1986), *Frame Analysis: An Essay on the Organization of Experience* (Phân tích dựa vào lý thuyết Khung: Một dẫn chứng về ứng dụng trải nghiệm thực tiễn), Boston: Northeastern University Press edition 306p. Bản điện tử tại địa chỉ: <http://www.scribd.com/doc/36584574/Erving-Goffman-Frame-Analysis>, truy cập ngày 16/2/2026.

4. Ingela Bohm và Joachim Sundqvist (2025). “Qualitative Content Analysis: A Step-by-Step Guide for Beginners to the Method, Theories, Epistemology, Ontology, and Rigour” (Phân tích nội dung định tính: Hướng dẫn các bước nhập môn về phương pháp, các lý thuyết, nhận thức luận, bản thể luận và độ tin cậy trong khoa học), *Tạp chí Research Gate*, DOI:10.46743/2160-3715/2025.7211, https://www.researchgate.net/publication/395715433_Qualitative_Content_Analysis_A_Step-by-Step_Guide_for_Beginners_to_the_Method_Theories_Epistemology_Ontology_and_Rigour, truy cập vào ngày 22 tháng 2 năm 2026.

5. Jiaqi Fu, Chaixiu Li, Chunlan Zhou, Wenji Li, Jie Lai, Shisi Deng, Yujie Zhang, Zihan Guo, Yanni Wu (2023), *Methods for Analyzing the Contents of Social Media for Health Care: Scoping Review* (Các phương pháp phân tích nội dung mạng xã hội dành cho chăm sóc sức khỏe: Tổng quan nghiên cứu), doi: 10.2196/43349, <https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC10337469/>, truy cập 18 tháng 2 năm 2026.

6. Jiye Jung, Sang-Ho Yoon, Dinara Kengesbay (2025), “Qualitative Comparison between TikTok and YouTube” (So sánh định tính giữa Tiktok và Youtube), *Tạp chí Research Gate*, DOI: 10.5392/IJO.C.2025.21.1.023, https://www.researchgate.net/publication/391061650_Qualitative_Comparison_between_TikTok_and_YouTube, truy cập vào ngày 22 tháng 2 năm 2026.

7. Michael Palmquist (2015), “Content Analysis Method and Examples” (Phương pháp phân tích nội dung và ứng dụng minh họa), Columbia Mailman School of Public Health, <https://www.publichealth.columbia.edu/research/population-health-methods/content-analysis>, truy cập vào ngày 22 tháng 2 năm 2026.

8. Miranda Bailey (2022), *Social Media As A Historical Archive* (Mạng xã hội như là một kho lưu trữ lịch sử), <https://andie-ej-bailey.medium.com/social-media-as-a-historical-archive-bbd06076d10a>, truy cập vào ngày 20 tháng 2 năm 2026.

9. Phạm Lộc Blog (2026), *Thống kê mô tả trên SPSS: Thống kê trung bình, min, max, độ lệch chuẩn*, <https://www.phamlocblog.com/2019/05/thong-ke-mo-ta-trung-binh-tren-spss.html> Truy cập 18/3/2026.

10. Willemien Marais và Margaret Linstrom (2012), *Qualitative news frame analysis: a methodology communitas* (Phân tích Khung tin tức định tính: một phương pháp luận), https://www.researchgate.net/publication/351884528_QUALITATIVE_NEWS_FRAME_ANALYSIS_A_METHODOLOGY_Communitas, truy cập ngày 16/2/2026.